

NỘI DUNG KIẾN THỨC KỸ NĂNG – MÔN TOÁN

TUẦN 22

Bài 82: GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN

I: Mục tiêu kiến thức, kỹ năng:

- Hiểu đề toán: cho gì? Hỏi gì?
- Biết bài giải gồm: Câu lời giải, phép tính, đáp số.

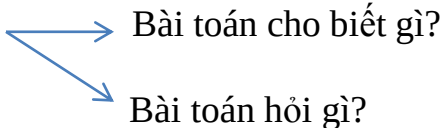
II: Thực hành:

A: Kiến thức cần nhớ:

1) Các bước giải bài toán có lời văn:

Bài toán: Nhà An có 5 con gà, mẹ mua thêm 4 con gà. Hỏi nhà An có tất cả mấy con gà?

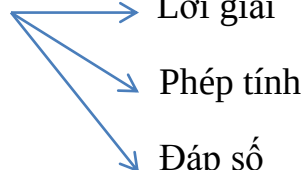
Giải một bài toán có lời văn gồm 5 bước:

- **Bước 1:** Đọc đề.
- **Bước 2:** Phân tích đề. 

Nhà An có 5 con gà, mẹ mua thêm 4 con gà. **Hỏi** nhà An có tất cả mấy con gà?

Bài toán cho

Bài toán hỏi

- **Bước 3:** Tóm tắt.
- **Bước 4:** Giải. 

- **Lời giải:** Ta dựa vào câu hỏi, gạch chân dưới chữ "**hỏi**", chữ "**bao nhiêu**" hoặc chữ "**mấy**". Phần giữa chữ "**hỏi**" và chữ "**bao nhiêu**" hoặc chữ "**mấy**" chính là câu lời giải; cuối câu thêm chữ "**là**" và dấu hai chấm (:).

M: Hỏi nhà An có tất cả mấy con gà? ➡ Nhà An có tất cả là:

Lời giải

- **Phép tính:**

- Ta dựa vào các từ khóa của bài.

Phép cộng: tất cả, cả hai, thêm,

Phép trừ: còn lại, bớt, ít hơn,...

- Đơn vị là phần nằm sau chữ "**mấy**" hoặc chữ "**bao nhiêu**". Đơn vị thường được viết trong dấu ngoặc đơn (...).

M: Nhà An có 5 con gà, mẹ mua thêm 4 con gà. Hỏi nhà An có tất cả mấy (con gà) ?

Phép cộng

➡ $5 + 4 = 9$ (con gà) ⬅

- **Đáp số:** Ta viết lại phần kết quả và đơn vị trên phép tính, bỏ dấu ngoặc đơn; viết thêm dấu hai chấm (:) và sau từ "Đáp số".
- **Bước 5:** Kiểm tra lại. Dựa vào phần bài toán cho, ta có thể sử dụng hình ảnh hoặc vật thật để kiểm tra kết quả.

2) **Trình bày bài giải:**

- Lời giải : *lùi vào 1 ô li*
- Phép tính: *lùi vào 2 ô li*
- Đáp số : *lùi vào 3 ô li*

M: Nhà An có 5 con gà, mẹ mua thêm 4 con gà. Hỏi nhà An có tất cả mấy con gà?

Tóm tắt:

Có : 5 con gà

Thêm : 4 con gà

Có tất cả: con gà ?

Bài giải

Nhà An có tất cả là:							
5 + 4 = 9 (con gà)							
Đáp số : 9 con gà							

B: Bài tập

1. Chi có 3 viên kẹo, Bình có 5 viên kẹo. Hỏi cả hai bạn có mấy viên kẹo?

Tóm tắt:

Chi có : ... viên kẹo

Bình có : ... viên kẹo

Cả hai bạn có: ... viên kẹo ?

Bài giải

Cả hai bạn có là:

.....=..... (viên kẹo)

Đáp số: viên kẹo

2. Lúc đầu dưới sân có 6 bạn, sau đó có thêm 4 bạn nữa. Hỏi dưới sân có tất cả bao nhiêu bạn?

Tóm tắt:

Có : ... bạn

Thêm : ... bạn

Có tất cả : ... bạn ?

Bài giải

.....

.....

Đáp số: bạn

3. Hàng trên có 2 cây hoa, hàng dưới có 7 cây hoa. Hỏi cả hai hàng có tất cả bao nhiêu cây hoa?

Tóm tắt:

Hàng trên : ... cây hoa

Hàng dưới : ... cây hoa

Cả hai hàng : ... cây hoa ?

Bài giải

Bài 83: XĂNG - TI - MÉT. ĐO ĐỘ DÀI

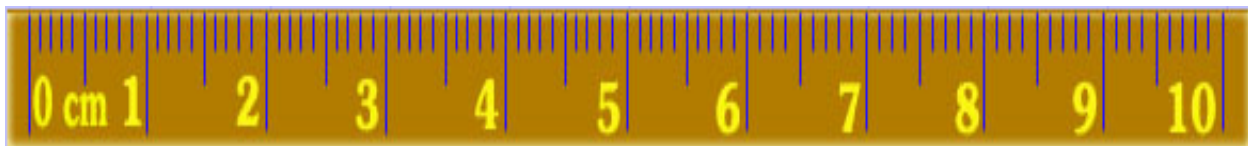
I: Mục tiêu kiến thức, kĩ năng:

- Biết xăng-ti-mét là đơn vị đo độ dài; viết tắt là cm.
- Biết dùng thước có chia vạch xăng-ti-mét để đo độ dài đoạn thẳng.

II: Thực hành:

A: Kiến thức cần nhớ

1: Làm quen với đơn vị xăng – ti – mét:



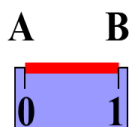
Thước kẻ

➤ Quan sát thước thấy:

- Có các số
- Có các vạch
- Khoảng cách giữa các vạch bằng nhau
- Bên cạnh số 0 có chữ *cm*

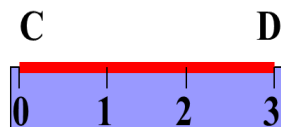
➤ Xăng – ti – mét là đơn vị đo độ dài.

➤ Xăng – ti – mét viết tắt là *cm*.



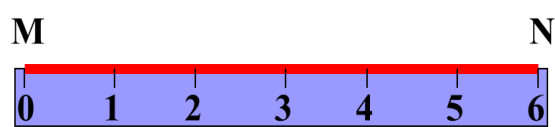
1 cm

một xăng-ti-mét



3 cm

ba xăng-ti-mét

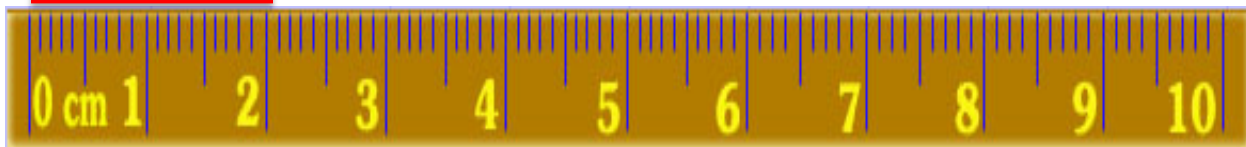


6 cm

sáu xăng-ti-mét

2: Cách đo độ dài của đoạn thẳng:

2 cm



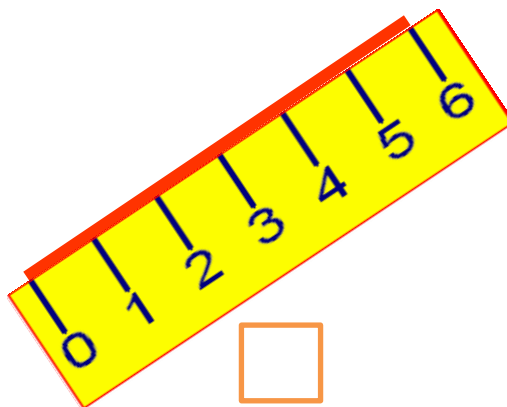
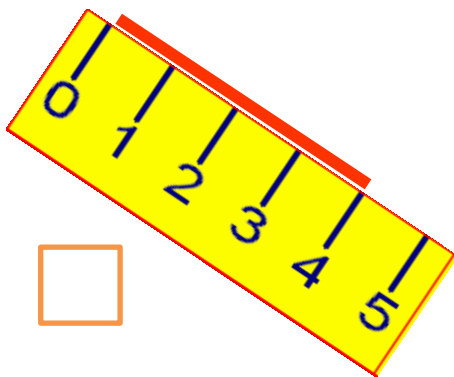
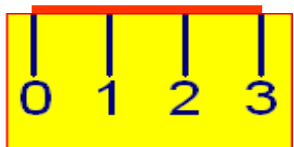
- Đặt vạch 0 trùng vào một đầu của đoạn thẳng, mép thước trùng với đoạn thẳng.
- Đọc số ghi ở vạch của thước trùng với đầu kia của đoạn thẳng.
- Viết số đo độ dài đoạn thẳng

B: Bài tập

1. Viết:

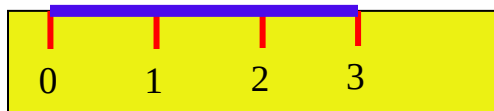
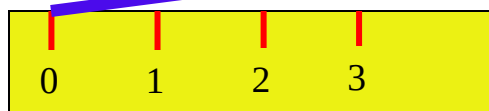
[illegible]

2. Viết số thích hợp vào ô trống rồi đọc số đo:



10

3. Đặt thước đúng ghi đ, sai ghi s:

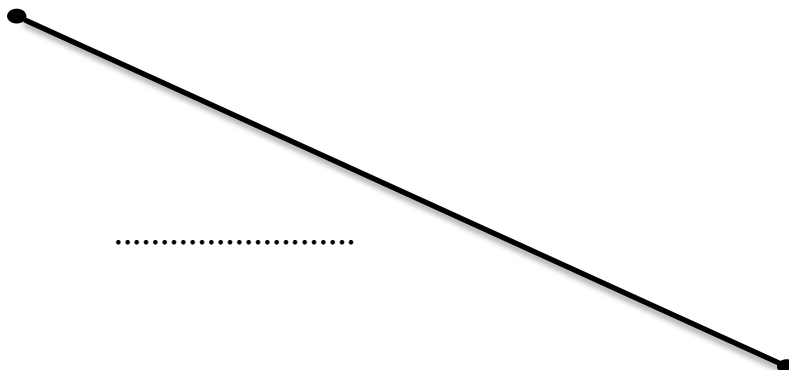

☐

☐

☐

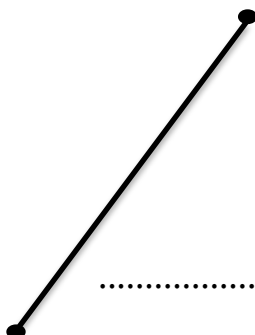
4. Đo độ dài mỗi đoạn thẳng rồi viết các số đo:



.....



.....



.....



.....

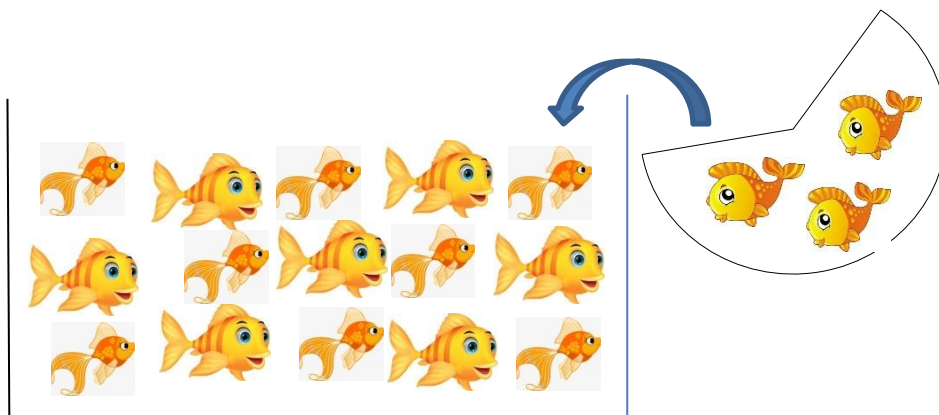
Bài 84: LUYỆN TẬP

I: Mục tiêu kiến thức, kĩ năng:

- Biết giải bài toán có lời văn và trình bày bài giải.

II: Thực hành:

- 1. Trong hồ có 15 con cá, bố thả thêm vào hồ 3 con cá nữa. Hỏi trong hồ có tất cả bao nhiêu con cá?**



Tóm tắt:

Bài giải

Có : ... con cá

Thêm : ... con cá

Có tất cả: ... con cá ?

[illegible]

2. Lê có 14 quả bóng, mẹ cho Lê 4 quả bóng nữa. Hỏi Lê có tất cả bao nhiêu quả bóng?

Tóm tắt:

Bài giải

Có : ... quả bóng

Thêm : ... quả bóng

Có tất cả: ... quả bóng ?

[illegible]

3. Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Tóm tắt:

Có : 12 quả bóng xanh

Có : 7 quả bóng đỏ

Có tất cả: ... quả bóng ?

Bài giải

[illegible]

Bài 85: LUYỆN TẬP

I: Mục tiêu kiến thức, kĩ năng:

- Biết giải bài toán có lời văn và trình bày bài giải.
- Biết thực hiện cộng, trừ các số đo độ dài.

II: Thực hành:

1. Bình có 4 viên bi đỏ và 5 viên bi xanh. Hỏi Bình có tất cả mấy viên bi?

Tóm tắt:

Bài giải

Có : ... viên bi đỏ

Có : ... viên bi xanh

Có tất cả: ... viên bi ?

[illegible]

2. Đàn vịt có 5 con ở dưới ao và 5 con ở trên bờ. Hỏi đàn vịt có tất cả mấy con?

Tóm tắt:

Bài giải

Dưới ao : ... con

Trên bờ : ... con

Có tất cả: ... con ?

2011							
2012							
2013							
2014							
2015							
2016							
2017							
2018							
2019							
2020							
2021							
2022							
2023							
2024							
2025							
2026							
2027							
2028							
2029							
2030							
2031							
2032							
2033							
2034							
2035							
2036							
2037							
2038							
2039							
2040							
2041							
2042							
2043							
2044							
2045							
2046							
2047							
2048							
2049							
2050							
2051							
2052							
2053							
2054							
2055							
2056							
2057							
2058							
2059							
2060							
2061							
2062							
2063							
2064							
2065							
2066							
2067							
2068							
2069							
2070							
2071							
2072							
2073							
2074							
2075							
2076							
2077							
2078							
2079							
2080							
2081							
2082							
2083							
2084							
2085							
2086							
2087							
2088							
2089							
2090							
2091							
2092							
2093							
2094							
2095							
2096							
2097							
2098							
2099							
2100							

3. Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Tóm tắt:

Bài giải

Nam : 6 bạn

Nữ : 3 bạn

Có tất cả: ... bạn ?

1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
12							
13							
14							
15							
16							
17							
18							
19							
20							
21							
22							
23							
24							
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							
36							
37							
38							
39							
40							
41							
42							
43							
44							
45							
46							
47							
48							
49							
50							
51							
52							
53							
54							
55							
56							
57							
58							
59							
60							
61							
62							
63							
64							
65							
66							
67							
68							
69							
70							
71							
72							
73							
74							
75							
76							
77							
78							
79							
80							
81							
82							
83							
84							
85							
86							
87							
88							
89							
90							
91							
92							
93							
94							
95							
96							
97							
98							
99							
100							

4. Tính (theo mẫu):

a) $2\text{cm} + 3\text{cm} = 5\text{cm}$

b) $6\text{cm} - 2\text{cm} = 4\text{cm}$

$6\text{cm} + 1\text{cm} = \dots\dots\dots$

$7\text{cm} - 3\text{cm} = \dots\dots\dots$

$5\text{cm} + 3\text{cm} = \dots\dots\dots$

$6\text{cm} - 1\text{cm} = \dots\dots\dots$

$2\text{cm} + 7\text{cm} = \dots\dots\dots$

$8\text{cm} - 4\text{cm} = \dots\dots\dots$

Hướng dẫn: PH hướng dẫn các em cộng trừ như bình thường và ghi thêm đơn vị xăng-ti-mét (cm) vào cạnh kết quả.